

Bản án số: **39/2021/KDTM-PT**
Ngày 16/3/2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng kinh tế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 16/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 287/2020/TLPT-KDTM ngày 17/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “*Tranh chấp hợp đồng kinh tế*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 56/2020/KDTM-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2021/QĐ-PT ngày 18/01/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2021/QĐ-PT ngày 01/02/2021; Thông báo về việc thời gian mở lại phiên tòa số 97/2021/TB-TA ngày 08/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công ty cổ phần K

Địa chỉ: phố C, phường Y, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn X.N – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê N.T; có mặt

-Bị đơn: Công ty cổ phần Y

Địa chỉ: đường K, phường B, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng V.T – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Đặng Q.H - Trưởng phòng Thanh toán và thu hồi công nợ; có mặt

2. Ông Hoàng Đ.H – Chuyên viên phòng Thanh toán và thu hồi công nợ; có mặt

3. Ông Nguyễn A.Đ – Chuyên viên phòng Thanh toán và thu hồi công nợ; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần K (Công ty K) và Công ty cổ phần Y (Công ty Y) là hai công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng. Để thực hiện xây dựng công trình: Tòa nhà chung cư kết hợp dịch vụ thương mại; địa điểm: Khu đô thị T, quận A, Hà Nội. Công ty Y đã ký hợp đồng kinh tế số 10/CKP - VNA1 ngày 18/04/2017 với Công ty K để Công ty K cung cấp dịch vụ cho thuê cần phân phối bê tông, bơm bê tông phục vụ công tác đổ bê tông công trình trên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng kinh tế số 10/CKP - VINA1, Công ty K đã thực hiện cho Công ty Y thuê cần phân phối bê tông, bơm bê tông phục vụ công tác đổ bê tông cho công trình trên theo đúng tiến độ và chất lượng hợp đồng hai bên đã ký. Nhưng đến nay, Công ty Y vẫn chưa thực hiện thanh toán giá trị của hợp đồng trên cho Công ty K. Sau khi kiểm tra bảng xác nhận khối lượng, hóa đơn GTGT giữa hai bên cho thấy: Tính đến ngày 30/4/2019, Công ty Y còn phải thanh toán cho Công ty K số tiền nợ gốc là 677.979.816 đồng.

Theo quy định tại Điều 4 của các hợp đồng kinh tế nêu trên thì:

Đối chiếu khối lượng, giá trị: Từ ngày 25 đến ngày cuối tháng, hai bên sẽ tiến hành tổng hợp khối lượng, giá trị bê tông đã bơm trong tháng. Bên A phải ký xác nhận trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bảng khối lượng, giá trị của bên B (nếu không có sự sai khác về khối lượng).

Sau khi đối chiếu khối lượng và tiến hành xác nhận công nợ, bên B xuất hóa đơn GTGT cho bên A, bên A sẽ thanh toán cho bên B 80 % giá trị khối lượng trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên A nhận được đủ hồ sơ thanh toán. Bên A sẽ thanh toán cho bên B tiếp 20% trong đợt thanh toán của tháng tiếp theo”. Nhưng đến nay, Công ty Y vẫn không thanh toán cho Công ty K theo đúng quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Công ty K đề nghị Tòa án:

+ Buộc Công ty Y thanh toán cho Công ty K số tiền nợ gốc là: 677.979.816 đồng.

+ Buộc Công ty Y thanh toán tiền lãi chậm trả phát sinh từ số tiền nợ gốc là: 677.979.816 đồng từ ngày chậm thanh toán hàng tháng tính đến ngày 10/01/2020 số tiền là: 117.729.328 đồng.

Như vậy, Công ty Y phải thanh toán cho Công ty K tổng số tiền: 785.709.144 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX:

+ Buộc Công ty Y thanh toán cho Công ty K số tiền nợ là: 677.979.816 đồng.

+ Buộc Công ty Y thanh toán tiền lãi chậm trả phát sinh từ số tiền nợ gốc là: 677.979.816 đồng từ ngày chậm thanh toán hàng tháng đối với từng hóa đơn cho đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền là: 267.684.885 đồng.

+ Tổng số tiền Công ty Y phải thanh toán cho Công ty K là: 945.664.701 đồng.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Ngày 18 tháng 04 năm 2017, Công ty Y người đại diện là ông Thạch A.Đ - Tổng giám đốc, người thực hiện hợp đồng gồm có ông Nguyễn Đ.L - Đội trưởng đội xây dựng số 9 và ông Vũ H.V - Đội trưởng đội TCCG và XLNM và Công ty K có thực hiện ký hợp đồng số 10/CKP - VINA1, về việc thuê cần phân phối bê tông, bơm vận chuyển bê tông tại công trình: Tòa nhà chung cư kết hợp dịch vụ thương mại tại địa điểm Khu đô thị T, quận A, Hà Nội.

Sau khi hợp đồng được ký, hai bên đã hỗ trợ và tạo các điều kiện để các công việc trong hợp đồng được thực hiện thuận lợi. Theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng, Công ty K tổng hợp khối lượng và gửi sang để người thực hiện hợp đồng xác nhận khối lượng hoàn thành từng tháng tại hiện trường thi công, sau đó Công ty K phải gửi bảng giá trị hoàn thành kèm khối lượng hoàn thành đã được ký xác nhận để Công ty Y kiểm tra và ký đóng dấu. Tuy nhiên, Công ty K đã không thực hiện việc gửi bảng giá trị hoàn thành và khối lượng hoàn thành để Công ty Y thực hiện kiểm tra và ký đóng dấu xác nhận. Công ty Y không hề nắm được thông tin cho đến khi Công ty K yêu cầu thanh toán số tiền nợ 677.979.816 đồng và buộc Công ty Y thanh toán tiền lãi chậm trả phát sinh từ số tiền nợ gốc là 677.979.816 đồng từ tháng 7/2018 cho đến phiên tòa sơ thẩm được xét xử (tạm tính đến ngày 30/04/2019) là 61.343.031 đồng. Tổng số tiền Công ty K yêu cầu Công ty Y thanh toán là 739.322.847 đồng, sau đó là khởi kiện Công ty Y ra Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân. Sau khi tiếp nhận thông

tin, Công ty Y đã thực hiện quá trình rà soát lại việc thực hiện hợp đồng giữa hai bên và nhận thấy các giấy tờ xác nhận giá trị hoàn thành không hề có xác nhận (không có chữ ký của người đại diện và đóng dấu đỏ) của Công ty Y. Ngoài ra, tại phiên hòa giải ngày 19/07/2019, Công ty Y cũng đã yêu cầu Công ty K tổng hợp bảng đối chiếu công nợ về việc thanh toán giữa hai bên nhưng Công ty K vẫn chưa thực hiện. Công ty Y cũng đã cử đại diện nhiều lần liên hệ bằng điện thoại cho kế toán trưởng và đại diện pháp lý của Công ty K là Công ty Luật TNHH MTV S để gặp và thực hiện công việc trên nhưng vẫn chưa được sắp xếp làm việc. Do đó Công ty Y hiện tại chưa có cơ sở và căn cứ để thanh toán số tiền mà Công ty K yêu cầu.

Chính vì những lý lẽ nêu trên, Công ty Y đề nghị Quý Tòa yêu cầu Công ty K lập bảng khối lượng hoàn thành và giá trị hoàn thành, thực hiện đối chiếu công nợ giữa hai bên. Căn cứ vào bảng tổng hợp khối lượng, bảng giá trị thanh toán và bảng đối chiếu công nợ đã được xác nhận giữa hai bên để thực hiện quyết toán hợp đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty Y vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày với Tòa tại bản tự khai và các buổi hòa giải. Do Công ty K chưa có xác nhận của người có thẩm quyền, chưa chuyển hồ sơ quyết toán nên không có cơ sở tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Công ty Y thừa nhận có ký hợp đồng nhận bê tông do Công ty K giao và thừa nhận nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên do chưa đối chiếu công nợ, không xác định được công nợ chính xác. Công ty Y chưa thể thực hiện được việc đối chiếu công nợ với Công ty K và cũng chưa tự kiểm tra nội bộ để xác định khối lượng bê tông đã nhận.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 56/2020/KDTM-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ khoản 1 điều 30; Khoản 1 điều 35; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các điều 34; 50; 297 và Điều 306 luật thương mại 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ câu khởi kiện của Công ty cổ phần K đối với Công ty cổ phần Y (Công ty Y).

Buộc công ty Công ty Y phải thanh toán cho Công ty K tổng số tiền là: 945.664.701 đồng (Chín trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm sáu mươi tư nghìn, bảy trăm linh một đồng) trong đó bao gồm:

+ Tiền nợ phải thanh toán theo hợp đồng là: 677.979.816 đồng (Sáu trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm mười sáu đồng).

+ Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 24/9/2019 số tiền là: 267.684.885 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn, tám trăm tám mươi lăm).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Công ty cổ phần Y (Công ty Y) phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 40.369.941 đồng.

- Công ty cổ phần K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 16.756.000 đồng (Mười sáu triệu, bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006631 ngày 18/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty cổ phần K và bị đơn Công ty cổ phần Y có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty cổ phần Y kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần K.

Tại phiên tòa hôm nay: nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận như sau:

Bị đơn Công cổ phần Xây dựng số 1 thanh toán cho nguyên đơn Công ty cổ phần K số tiền nợ gốc là 677.979.816 đồng.

Thời gian thanh toán chậm nhất là ngày 31/3/2021. Nếu đến thời hạn trên, Công ty cổ phần Y không thanh toán thì phải thanh toán cả tiền lãi chậm trả theo như quyết định của bản án sơ thẩm là 267.684.885 đồng.

Phương thức thanh toán: Bằng hình thức chuyển khoản.

Về án phí, mỗi bên tự nguyện chịu ½ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

Ngoài ra, Công ty cổ phần K và Công ty cổ phần Y không có yêu cầu, đề nghị gì khác

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Xét tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận về cách giải quyết toàn bộ vụ án. Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần Y được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty cổ phần K với Công ty cổ phần Y phát sinh từ hợp đồng kinh tế số 10/CKP-VNA1 ngày 18/4/2017 về việc cung cấp dịch vụ cho thuê cần phân phối bê tông, bơm bê tông phục vụ công tác đổ bê tông công trình Tòa nhà chung cư kết hợp dịch vụ thương mại tại Khu đô thị T, quận A, thành phố Hà Nội, nên là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn là Công ty cổ phần Y có địa chỉ tại đường K, phường B, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận và thống nhất về cách giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự về cách giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội và theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, nên căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm và quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148; Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng Điều 357; Điều 398; Điều 401; Điều 440; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 56/2020/KDTM-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Công cổ phần Y phải thanh toán cho Công ty cổ phần K số tiền nợ gốc là 677.979.816 đồng.

Thời gian thanh toán chậm nhất là ngày 31/3/2021. Nếu đến thời hạn trên, Công ty cổ phần Y không thanh toán thì phải thanh toán cả tiền lãi chậm trả theo như quyết định của bản án sơ thẩm là 267.684.885 đồng.

Phương thức thanh toán: Bằng hình thức chuyển khoản.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí sơ thẩm:

Công ty cổ phần Y phải chịu 15.559.596 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty cổ phần K phải chịu 15.559.596 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào 16.786.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm (đã nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006631 ngày 18/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, nên được trả lại 1.226.404 đồng.

4. Về án phí phúc thẩm:

Công ty cổ phần Y phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000684 ngày 16/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận Thanh Xuân, tp Hà Nội;
- TAND quận Thanh Xuân, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn